

## LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

### QUYỂN 82

#### GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI CHÍN: ĐẠI PHƯƠNG TIỆN

**KINH:** Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ấy từ khi phát tâm trở lại đây thời gian bao lâu mà thành tựu lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Tu-bồ-đề! Bồ-tát ấy thành tựu lực phương tiện, từ khi phát tâm trở lại đây trải qua vô lượng vô số kiếp.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ấy cúng dường bao nhiêu đức Phật mà thành tựu lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Bồ-tát ấy thành tựu lực phương tiện từng cúng dường hằng hà sa số Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát được lực phương tiện như vậy, trồng những căn lành gì?

Phật dạy: Bồ-tát thành tựu lực Phật như vậy, là do từ khi phát tâm trở lại đây, đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát thành tựu lực phương tiện như vậy rất nhiều.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Bồ-tát thành tựu lực phương tiện như vậy rất nhiều. Thí như mặt trời mặt trăng chiếu khắp bốn châu thiên hạ, làm lợi ích rất nhiều, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, chiếu năm Ba-la-mật, làm lợi ích rất nhiều. Tu-bồ-đề! Thí như Chuyển luân Thánh vương, nếu không có xe báu thì không được gọi là Chuyển luân Thánh vương; năm Ba-la-mật cũng như vậy, nếu lìa Bát-nhã Ba-la-mật thì không được gọi danh từ Ba-la-mật, không lìa Bát-nhã Ba-la-mật nên được gọi danh từ Ba-la-mật. Thí dụ như người phụ nữ không chồng, dễ bị xâm lăng; năm Ba-la-mật cũng như vậy, xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật dễ

bị ma hoặc ma trời phá hoại. Thí như người phụ nữ có chồng khó có thể xâm lăng; năm Ba-la-mật cũng như vậy, có được Bát-nhã Ba-la-mật, ma hoặc ma trời không thể phá hoại. Thí như tướng quân đầy đủ áo giáp, binh trượng, các nước lân cận, cường địch không thể phá hoại; năm Ba-la-mật cũng như vậy, không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật nên ma hoặc ma trời, hoặc người tăng thượng mạn, cho đến Bồ-tát Chiên-đà-la không thể phá hoại. Thí như vua nước nhỏ theo thời triều cống Chuyển luân Thánh vương; năm Ba-la-mật cũng như vậy, thuận theo Bát-nhã Ba-la-mật. Thí như trăm sông muôn dòng đều chảy vào sông Hằng rồi vào biển cả; năm Ba-la-mật cũng như vậy, được Bát-nhã Ba-la-mật thủ hộ nên tùy thuận đến Nhất thiết trí. Thí như cánh tay phải của người, làm việc tiện lợi, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy; cánh tay trái của người, làm việc không tiện, năm Ba-la-mật cũng như vậy. Thí như muôn dòng sông hoặc lớn hoặc nhỏ đều vào biển cả hợp làm một vị, năm Ba-la-mật cũng như vậy, được Bát-nhã Ba-la-mật thủ hộ, theo Bát-nhã Ba-la-mật vào Nhất thiết trí, được gọi là Ba-la-mật. Thí như bốn binh chủng của Chuyển luân Thánh vương, xe báu dẫn đường, ý vua muốn ngừng thì xe ngừng ngay, làm cho bốn binh chủng được mãn nguyện, xe báu cũng không rời chỗ cũ; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, dẫn đường năm Ba-la-mật đến Nhất thiết trí thường ở trong đó, không vượt quá chỗ cũ. Thí như bốn binh chủng của Chuyển luân Thánh Vương, xe báu dẫn đường, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, dẫn đường năm Ba-la-mật đến an trú Nhất thiết trí. Bát-nhã Ba-la-mật cũng không phân biệt: Thí Ba-la-mật tùy theo ta, Giới Ba-la-mật cho đến Thiền Ba-la-mật không tùy theo ta. Thí Ba-la-mật cũng không phân biệt: Ta tùy theo Bát-nhã Ba-la-mật, còn Giới Ba-la-mật cho đến Thiền Ba-la-mật ta không tùy theo. Giới Ba-la-mật cho đến Thiền Ba-la-mật cũng như vậy. Vì sao? Vì tính của các Ba-la-mật không có năng tác, tự tính Không, hư dối, như sóng nắng.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp tự tính Không, làm sao Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật nghĩ rằng, tâm thế gian đều điên đảo, ta nếu không tập sức phương tiện thì không thể độ thoát chúng sinh khỏi vòng sinh tử; ta sẽ vì chúng sinh nên thực hành Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát ấy vì chúng sinh nên xả bỏ tài vật trong ngoài, khi xả bỏ nghĩ rằng, ta không xả bỏ gì. Vì sao? Vì tài vật ấy chắc chắn sẽ hư hoại. Bồ-tát suy nghĩ như vậy nên có thể đầy đủ Thí Ba-la-mật. Vì chúng sinh nên trọn không phá giới. Vì sao? Vì

Bồ-tát nghĩ rằng, ta vì chúng sinh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu sát sinh là điều không nên, cho đến ta vì chúng sinh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu sinh tà kiến thì hoặc tham trước Thanh-văn, Bích-chi Phật địa là điều không nên. Bồ-tát suy nghĩ như vậy là có thể đầy đủ Giới Ba-la-mật. Bồ-tát vì chúng sinh nên không sân giận, cho đến giận trong giây lát. Bồ-tát suy nghĩ như vậy: Ta nên làm lợi ích chúng sinh, cố sao khởi tâm sân giận? Như vậy, có thể đầy đủ Nhẫn Ba-la-mật. Bồ-tát vì chúng sinh nên cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thường không sinh tâm giải đãi; tu như vậy có thể đầy đủ Tinh tấn Ba-la-mật. Bồ-tát vì chúng sinh nên cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không sinh tâm tán loạn; tu như vậy có thể đầy đủ Thiền Ba-la-mật. Bồ-tát vì chúng sinh nên cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không lừa trí tuệ. Vì sao? Vì trừ trí tuệ ra không thể có pháp gì độ thoát chúng sinh được. Tu như vậy có thể đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các Ba-la-mật không sai biệt nhau thì làm sao Bát-nhã Ba-la-mật là đệ nhất, tối thượng, vi diệu đối với năm Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! các Ba-la-mật tuy không có sai khác, nếu không có Bát-nhã Ba-la-mật thì năm Ba-la-mật không được gọi là Ba-la-mật, nhân nơi Bát-nhã Ba-la-mật mà năm Ba-la-mật kia được gọi là Ba-la-mật. Thí như các loài chim đủ màu sắc đến ở bên núi Tu-di đều đồng thành một sắc; năm Ba-la-mật cũng như vậy, nhân nơi Bát-nhã Ba-la-mật đạt đến trong Nhất thiết trí thành một loại không khác, không phân biệt đây là Thí Ba-la-mật, đây là Giới Ba-la-mật cho đến đây là Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì các Ba-la-mật không có tự tính, vì do nhân duyên nên các Ba-la-mật không có sai khác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu theo thật nghĩa không có phân biệt, làm sao Bát-nhã Ba-la-mật lại là tối thượng vi diệu đối với năm Ba-la-mật?

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Tuy theo thật nghĩa không có phân biệt, chỉ theo pháp thế tục nên nói Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Vì muốn độ chúng sinh khỏi vòng sinh tử, mà chúng sinh ấy thật chẳng sinh chẳng tử, chẳng khởi chẳng thoái lui. Nay Tu-bồ-đề! Vì chúng sinh không có gì của chính nó, vậy nên biết hết thấy pháp không có gì của chính nó. Do nhân duyên ấy nên Bát-nhã Ba-la-mật tối thượng, tối diệu đối với năm Ba-la-mật. Thí như trong chúng người nữ của cõi Diêm-phù-đề, ngọc nữ báu là đệ nhất,

tối thượng, tối diệu; Bát-nhã Ba-la-mật cũng vậy, là đệ nhất, tối thượng, tối diệu đối với năm Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì ý gì mà Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật là tối thượng, tối diệu?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì Bát-nhã Ba-la-mật đưa hết thảy thiện pháp đến trong Nhất thiết trí, trú chỗ không trú.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật có thật pháp khả thủ khả xả chăng?

Phật dạy: Không. Bát-nhã Ba-la-mật không có thật pháp khả thủ, khả xả. Vì sao? Vì hết thảy pháp không thủ không xả.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật không thủ, không xả pháp gì?

Phật dạy: Bát-nhã Ba-la-mật không thủ, không xả sắc; không thủ, không xả thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao không thủ sắc cho đến không thủ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì ấy gọi là không thủ sắc cho đến không thủ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Nếu không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì làm sao được tăng ích thiện căn? Thiện căn không tăng ích thì làm sao đầy đủ các Ba-la-mật? Nếu không đầy đủ các Ba-la-mật thì làm sao được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì khi ấy thiện căn được tăng ích; thiện căn tăng ích nên đầy đủ các Ba-la-mật; các Ba-la-mật đầy đủ nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì khi không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì nên trong khi không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Vì nghĩ đến thì đắm trước cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không nghĩ đến thì không đắm trước. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật không nên đắm trước gì.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật như vậy nên trú

vào chỗ nào?

Phật dạy: Bồ-tát tu như vậy không trú nơi sắc cho đến không trú nơi trí Nhất thiết chủng.

Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì nên không trú nơi sắc cho đến không trú nơi trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Không chấp trước nên không trú. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy không thấy có pháp có thể chấp trước, có thể trú. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát do không trước, không trú pháp tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nghĩ rằng, nếu hành được như vậy, tu được như vậy là tu Bát-nhã Ba-la-mật. “Ta nay hành Bát-nhã Ba-la-mật, tu Bát-nhã Ba-la-mật”, nếu chấp thủ tướng như vậy thì xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật; nếu xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật thì xa lìa Trí Ba-la-mật cho đến xa lìa trí Nhất thiết chủng. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật không có chỗ trú trước, cũng không có người trú trước, vì tự tính Không. Bồ-tát nếu còn chấp thủ tướng thì thoái thất đối với Bát-nhã Ba-la-mật; nếu thoái thất Bát-nhã Ba-la-mật thì thoái thất Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không được Phật thọ ký. Bồ-tát lại nghĩ rằng: Trú nơi Bát-nhã Ba-la-mật có thể phát sinh Trí Ba-la-mật cho đến tâm đại bi. Nếu nghĩ như vậy thì mất Bát-nhã Ba-la-mật, mất Bát-nhã Ba-la-mật thì không thể phát sinh Trí Ba-la-mật cho đến tâm đại bi. Bồ-tát nếu lại nghĩ rằng: “Chư Phật biết các pháp không có tướng lãnh thọ nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác” mà diễn thuyết, khai thị, dạy bảo như vậy thì mất Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì chư Phật đối với các pháp không có sở tri, không có sở đắc, cũng không có pháp khả thuyết, huống gì sẽ có sở đắc! Không có lẽ đó.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật làm sao không có lỗi lầm ấy?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật nghĩ rằng: các pháp không có gì của chính nó, không thể chấp thủ thì không có sở đắc. Nếu làm được như vậy là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ-tát đắm trước nơi pháp không có gì của chính nó thì xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật không có pháp chấp trước.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật ư? Trí Ba-la-mật xa lìa Trí Ba-la-mật ư? Cho đến trí Nhất thiết chủng xa lìa trí Nhất thiết chủng ư? Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát-nhã Ba-la-mật xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng xa lìa trí Nhất thiết chủng thì làm sao Bồ-tát được Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến được trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật không sinh ý nghĩ: Sắc là sắc, sắc gì, cho đến không sinh ý nghĩ trí Nhất thiết chủng là trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết chủng của ai. Như vậy Bồ-tát có thể phát sinh Bát-nhã Ba-la-mật cho đến phát sinh trí Nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu Bát-nhã, không quán sắc hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc phi ngã, hoặc không hoặc chẳng không, hoặc lìa hoặc chẳng lìa. Vì sao? Vì tự tính Không thể sinh tự tính, cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy. Nếu Bồ-tát tu Bát-nhã quán sắc như vậy, cho đến quán trí Nhất thiết chủng như vậy thì có thể phát sinh Bát-nhã Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng. Thí như Chuyển luân Thánh vương đi đến đâu đều có bốn binh chủng đi theo, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, đi đến đâu đều có năm Ba-la-mật đi theo đến trú trong Nhất thiết trí. Thí như khéo điều khiển xe bốn ngựa không đi sai đường, thì tùy ý đi đến; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, điều khiển năm Ba-la-mật không sai chánh đạo, sẽ đi đến trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát đạo? Thế nào là phi đạo?

Phật dạy: Thanh văn đạo chẳng phải Bồ-tát đạo; Bích-chi Phật đạo chẳng phải Bồ-tát đạo; trí Nhất thiết chủng đạo là Bồ-tát đạo, ấy gọi là Bồ-tát đạo và phi đạo.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật của các Bồ-tát vì đại sự nên sinh khởi, nghĩa là khai thị; ấy là đạo, ấy là phi đạo.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Bát-nhã Ba-la-mật vì đại sự nên sinh khởi, nghĩa là khai thị; ấy là đạo, ấy là phi đạo. Bát-nhã Ba-la-mật ấy vì độ vô lượng chúng sinh nên sinh khởi; vì lợi ích vô số chúng sinh nên sinh khởi. Bát-nhã Ba-la-mật tuy làm việc lợi ích cũng không lãnh thọ sắc; không lãnh thọ thọ, tưởng, hành thức; không lãnh thọ địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật. Nay Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật là dẫn đường của các Bồ-tát, khai thị Vô thượng chánh đẳng Chánh Giác khiến xa lìa địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật mà an trú Nhất thiết trí. Bát-nhã Ba-la-mật là các pháp thường trú, không sinh không diệt.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu Bát-nhã Ba-la-mật không sinh không diệt, làm sao Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật nên bố thí; làm sao nên trì giới, làm sao nên tu nhẫn nhục; làm sao nên tinh tấn; làm sao nên nhập thiền định; làm sao nên tu trí tuệ?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát nhớ nghĩ đến Nhất thiết trí nên tu bố thí; nhớ nghĩ đến Nhất thiết trí nên tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn thiền định,

trí tuệ. Dem công đức ấy chia sẻ cho chúng sinh cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nếu hồi hướng như vậy thì đầy đủ sáu Ba-la-mật và tâm từ bi. Nếu Bồ-tát không xa lìa sáu Ba-la-mật thì không xa lìa Nhất thiết trí. Vì thế nên Bồ-tát muốn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác hãy nên học, nên tu sáu Ba-la-mật. Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật đầy đủ hết thấy thiện căn sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì thế nên Bồ-tát nên tập hành sáu Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát nên tập hành sáu Ba-la-mật?

Phật dạy: Chư Bồ-tát quán như vậy: Sắc không hợp không tán, thọ, tưởng, hành, thức không hợp không tán, cho đến trí Nhất thiết chủng không hợp không tán; ấy gọi là Bồ-tát tập hành sáu Ba-la-mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên nghĩ rằng: Ta sẽ không trú trong sắc, không trú trong thọ, tưởng, hành, thức, cho đến không trú trong trí Nhất thiết chủng, như vậy nên tập hành sáu Ba-la-mật. Vì sao? Vì sắc ấy không chỗ trú, cho đến Nhất thiết trí không chỗ trú. Như vậy, Bồ-tát do pháp vô trú mà tập hành sáu Ba-la-mật sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thí như người muốn ăn quả Yêm-la hoặc quả Ba-la-na-bà, thì nên gieo giống nó theo thời, tưới tắm, giữ gìn, dần dần sinh trưởng hợp với thời tiết, liền có quả để ăn. Bồ-tát cũng như vậy, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên học sáu Ba-la-mật: Dùng bố thí để nhiếp thủ chúng sinh, dùng trì giới, tinh tấn, trí tuệ, thiền định nhiếp thủ chúng sinh, độ chúng sinh thoát vòng sinh tử. Tu như vậy sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên Bồ-tát muốn không theo lời người khác, hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Muốn nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, muốn ngồi đạo tràng, muốn Chuyển pháp luân, hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nên như vậy học Bát-nhã Ba-la-mật ư?

Phật dạy: Bồ-tát nên như vậy học Bát-nhã Ba-la-mật. Muốn đối với các pháp được tự tại hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì học Bát-nhã Ba-la-mật thì đối với các pháp được tự tại.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật rất lớn đối với các pháp; thí như biển cả rất lớn đối với muôn sông; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, rất lớn đối với hết thảy pháp. Vì thế nên muốn cầu Thanh văn, Bích-chi Phật và Bồ-tát đạo, hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Thí như thợ bắn cung cầm chiếc cung và mũi tên như ý thì không sợ oán địch Bồ-tát cũng như vậy tu Bát-nhã Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng thì ma hoặc ma trời



không thể phá hoại. Vì vậy nên Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Tu Bát-nhã Ba-la-mật được mười phương chư Phật hộ niệm.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao mười phương chư Phật hộ niệm Bồ-tát ấy?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát khi tu bố thí, mười phương chư Phật đều hộ niệm. Khi tu Giới Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, mười phương chư Phật đều hộ niệm. Nhân hộ niệm thế nào? Bố thí không thể có được; trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ không thể có được, cho đến trí Nhất thiết chủng không thể có được. Bồ-tát không có được các pháp như vậy, chư Phật hộ niệm Bồ-tát ấy. Lại nữa, chư Phật không vì sắc nên hộ niệm; không vì thọ, tưởng, hành, thức nên hộ niệm, cho đến không vì trí Nhất thiết chủng nên hộ niệm.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát học rất nhiều mà thật không học gì hết.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy, Bồ-tát học rất nhiều mà thật không học gì hết. Vì sao? Vì các pháp của Bồ-tát học đều không thể có được.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Phật thuyết pháp hoặc nói lược, hoặc nói rộng, ở trong pháp ấy các Bồ-tát muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đối với sáu Ba-la-mật hoặc lược hoặc rộng, hãy nên thọ trì, thân cận, đọc tụng; đọc tụng rồi suy nghĩ, quán sát đúng, tâm tâm số pháp không hiện hành.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Bồ-tát hoặc lược hoặc rộng học sáu Ba-la-mật, nên biết tướng hết thấy pháp lược, rộng.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát biết hết thấy pháp tướng lược, rộng?

Phật dạy: Biết sắc như tướng, biết thọ, tưởng, hành, thức cho đến biết trí Nhất thiết chủng như tướng; biết được hết thấy pháp tướng rộng, lược như vậy.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là sắc như tướng; thế nào là thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng như tướng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Sắc vô sinh vô diệt, vô trụ dị; ấy gọi là sắc như tướng; cho đến trí Nhất thiết chủng vô sinh vô diệt, vô trụ dị; ấy gọi là trí Nhất thiết chủng như tướng. Bồ-tát nên học trong ấy.

Lại nữa, Bồ-tát khi biết các pháp thật tế là biết tướng lược, tướng rộng của hết thấy pháp.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là các pháp thật tế?

Phật dạy: Không biên tế, ấy gọi là thật tế. Bồ-tát học thật tế ấy



biết tướng lược, tướng rộng của hết thủy pháp. Nếu Bồ-tát biết pháp tính của các pháp là Bồ-tát có thể biết tướng lược, tướng rộng của hết thủy pháp.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là pháp tánh của các pháp?

Phật dạy: Tánh của sắc gọi là pháp tính. Tính ấy không có phân, không có chẳng phân. Bồ-tát biết pháp tính nên biết tướng lược, tướng rộng của hết thủy pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao nên biết tướng lược, tướng rộng của hết thủy pháp?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát biết hết thủy pháp không hợp không tán là biết tướng lược, tướng rộng của hết thủy pháp.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Pháp gì chẳng hợp chẳng tán?

Phật dạy: Sắc chẳng hợp chẳng tán; thọ, tưởng, hành, thức chẳng hợp chẳng tán, cho đến trí Nhất thiết chủng chẳng hợp chẳng tán; tánh hữu vi, tính vô vi chẳng hợp chẳng tán. Vì sao? Vì tự tính các pháp không có, làm sao có hợp có tán? Nếu các pháp tự tính Không có, ấy là chẳng phải pháp? Chẳng phải pháp thì chẳng hợp chẳng tán? Như vậy nên biết tướng lược tướng rộng của hết thủy pháp.

Tu-bồ-đề thưa Bạch đức Thế Tôn! Ấy là Bát-nhã Ba-la-mật tóm thâu của Bồ-tát.

Trong Bát-nhã Ba-la-mật lược nhiếp ấy, Bồ-tát mới phát tâm cần nên học, cho đến Bồ-tát ở thập địa cũng nên học. Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật tóm thâu ấy thì biết tướng lược tướng rộng của hết thủy pháp.

**LUÂN:** Tu-bồ-đề nghe nói tướng lợi căn của Bồ-tát, nghĩa là từ một Ba-la-mật có thể phát sinh năm Ba-la-mật. Tu một Ba-la-mật tức có thể đủ năm Ba-la-mật, như phẩm trên nói, thấy việc ấy hiếm có nên nạn hỏi Phật: Bồ-tát ấy từ khi phát tâm trở lại đây trải qua bao nhiêu thời gian có thể được phương tiện như vậy? Phật đáp: Bồ-tát ấy từ khi phát tâm trở lại đây, trừ vị đại Bồ-tát, đối với các chúng sinh khác phải trải qua vô lượng vô số kiếp. Hoặc có Bồ-tát từ khi phát tâm trở lại đây trải qua vô lượng vô số kiếp, vì có tội lớn che tâm nên không thấy Phật, không thân cận cúng dường. Thế nên hỏi: Bồ-tát ấy cúng dường bao nhiêu đức Phật? Phật đáp Bồ-tát ấy đã cúng dường hằng hà sa số Phật. Ở trên nói vô lượng vô số, nơi đây nói hằng hà sa số, có nghĩa là số nhiều đồng nhau. Có Bồ-tát phát tâm đã lâu, tuy dùng nhiều hương hoa cúng dường Phật mà chưa thể gieo trồng căn lành, nghĩ rằng: Ta chắc chắn được quả báo vì có tâm sâu xa tu sáu Ba-la-mật. Nếu dùng tâm sâu xa tu sáu Ba-la-mật là công đức để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên nói

là gieo trồng căn lành. Thế nên tiếp hỏi câu thứ ba: Gieo trồng căn lành thế nào? Phật đáp: Bồ-tát ấy từ khi mới phát tâm trở lại đây tu đủ sáu Ba-la-mật, làm tất cả phước đức, tu tập tất cả thiện pháp. Tu-bồ-đề nghe xong hoan hỷ bạch Phật rằng: Hy hữu, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ấy tu được phương tiện như vậy. Đó là chưa dứt các phiền não, chưa lìa sinh tử mà có thể hơn kẻ đã dứt phiền não, lìa sinh tử. Vô tử sinh tử lại đây chứa nhóm ác pháp, tâm Bồ-tát hậu lai mà có thể dùng tâm hậu lai không theo việc ác đã chứa nhóm trước đó, thế là hy hữu. Hết thấy chúng sinh không có ơn đối với Bồ-tát, mà Bồ-tát vẫn thường muốn làm lợi ích; chúng sinh muốn cướp mạng Bồ-tát, cắt xẻ thân thể, mà Bồ-tát lại muốn dùng cái vui đệ nhất của Phật là tuệ mạng đem cho chúng sinh. Như vậy thật là hy hữu. Phật hứa khả lời Tu-bồ-đề, lại muốn làm cho việc ấy được rõ ràng nên nêu thí dụ: Như mặt trời mặt trăng chiếu khắp bốn châu thiên hạ; nếu không có mặt trời mặt trăng thì trăm giống lúa, cỏ thuốc và chúng sinh không nường đâu để sinh trưởng. Mặt trăng là âm khí, mặt trời là dương khí; hai khí hòa hợp nên muôn vật trưởng thành; thế nên mặt trời mặt trăng đối với bốn châu thiên hạ có lợi ích lớn. Bồ-tát cũng như vậy, đối với bốn loài chúng sinh, đem tâm đại bi thương xót, tùy theo sở nguyện của họ mà tu hết thấy pháp lành; dùng lực đại trí tuệ phá tâm chấp trước thiện pháp của chúng sinh. Các thiện pháp, sáu Ba-la-mật tăng trưởng thành tựu như vậy, thẳng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại, chúng sinh tuy có mắt, nếu không có mặt trời mặt trăng thì không thấy gì; cũng như vậy, chúng sinh tuy có lợi trí, thiện căn thế tục, nếu không có ánh sáng Bát-nhã Ba-la-mật thì còn không được quả Nhị thừa, hưởng gì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại, Bồ-tát tuy tu năm Ba-la-mật, nếu không được Bát-nhã Ba-la-mật thì không được gọi là Ba-la-mật, vì không phá được tâm chấp trước. Nếu Bồ-tát có thể tự đem thân mạng mình bố thí, nếu không có Bát-nhã thì tâm kia dễ hỏng; như người đàn bà không chồng thì dễ bị xâm phạm; nếu có Bát-nhã thì không thể phá hoại. Bồ-tát tuy tu các pháp sâu xa khác nhưng nếu không có Bát-nhã thì không gọi là tu Ba-la-mật, chỉ gọi là tu pháp lành, vì có hạn lượng. Trong kinh đây nói thí dụ: Chuyển luân Thánh vương tuy có ngàn người con, có tám muôn bốn ngàn tiểu vương và sáu vật báu mà không gọi là Chuyển luân Thánh vương, vì không thể bay đi khắp bốn châu thiên hạ. Nếu vua khiến kim luân báu đi đến thì bấy giờ mới gọi là Chuyển luân Thánh vương. Bồ-tát cũng như vậy, tuy có các thiện pháp bố thí vì không có Bát-nhã Ba-la-mật nên không gọi là Bồ-tát, vì người tu sáu Ba-la-mật không thể trừ chướng ngại, hành Bồ-tát

đạo. Thí như vị tướng giỏi rành về phương pháp chiến đấu, khí cụ đầy đủ thì không sợ oán địch; vị tướng giỏi tức là Bồ-tát, khí cụ tức là Bát-nhã.

Tăng thượng mạn nghĩa là: Chưa được Thánh đạo, mà ý nghĩ cho là đã được. Bồ-tát nói pháp rốt ráo không, mà người tăng thượng mạn vì tâm bất đồng nên phá hoại Bồ-tát; ngoại đạo, Phạm-chí và các ma dân cho đến Bồ-tát Chiên-đà-la cũng như vậy.

Bồ-tát Chiên-đà-la là: Như trong phẩm Ma đã nói. Nghe ma đi đến xưng tán danh tự của mình và thọ ký cho, liền sinh tâm khinh mạn.

Lại, vì Bát-nhã Ba-la-mật nên nói năm Ba-la-mật. Nếu người nào có thể đi thẳng vào thật tướng các pháp thì không cần vì họ nói bố thí... là cửa ban đầu vào Bát-nhã. Vì người độn căn tội nặng nên mới dùng đủ nhân duyên nói bố thí phá xan tham; trì giới bẻ gãy phiền não; nhẫn nhục mở cửa phước đức, làm được việc khó làm, tinh tấn như gió thổi lửa cháy bùng không tắt; thiền định nhiếp tâm định, quán thật tướng các pháp. Năm Ba-la-mật ấy đều hướng đến Bát-nhã Ba-la-mật. Như các tiểu vương triều cống Chuyển quân Thánh vương, như muôn sông đều đổ về biển cả; các thiện pháp bố thí cũng như vậy, được Bát-nhã Ba-la-mật thủ hộ nên được đến Nhất thiết trí.

Hỏi: Năm Ba-la-mật như các dòng sông, Bát-nhã Ba-la-mật như biển cả, cơ sao nay nói năm Ba-la-mật được Bát-nhã thủ hộ, được vào Nhất thiết trí?

Đáp: Ông không nghe ở đây nói Bát-nhã có nhiều tên gọi ư? Nhất thiết trí tức là tên gọi khác của Bát-nhã. Phước đức của năm Ba-la-mật vào trong Bát-nhã liền được thanh tịnh Bát-nhã. Bát-nhã thanh tịnh nên được Phật đạo, bấy giờ đổi lại gọi là Nhất thiết trí. Thế nên nói, vào Nhất thiết trí tức là vào Bát-nhã. Có người nghi các Ba-la-mật đều có lực, cơ gì chỉ nói công dụng của Bát-nhã là lớn? Thế nên nói, thí như cánh tay phải của người làm việc tự nhiên, thuận tiện; năm Ba-la-mật như cánh tay trái, không có được Bát-nhã thì làm việc không tiện. Lại như người mở mắt làm việc thì mọi việc đều thành; như người dẫn đường đi trước, các bè bạn theo sau; đi tới, dừng lại đều theo vị dẫn đường, không được tự tại. Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, dẫn đường năm Ba-la-mật, mọi việc tu tập đều trông chờ vào Bát-nhã. Trong kinh này, Phật tự nói thí dụ: Như xa luân báu của Chuyển luân Thánh vương dẫn đường bốn binh chủng; xe ngừng thì các vật báu khác đều ngừng. Luân báu là chỉ Bát-nhã Ba-la-mật, thường dẫn đường trước năm Ba-la-mật, năm Ba-la-mật đi theo. Như trong phẩm đầu của Kinh Bát-nhã nói: Bồ-tát muốn đầy đủ Thí Ba-la-mật thì không thấy người cho, người nhận và vật bố thí.

Trước tiên trừ lượng, phân biệt dứt hết thấy chấp trước vậy sau mới bố thí. Thế là sự bố thí có Bát-nhã dẫn đường. Như xa luân báu hàng phục bốn châu thiên hạ xong, thường ở tại cung vua, giữa hư không; thánh vương là chỉ Bồ-tát; xe báu là chỉ Bát-nhã, phá các ma dân, phiền não xong thì vào trú trong cung Nhất thiết trí. Xe báu ấy không phân biệt: Ta thường ở trước, các báu khác ở sau; không có tâm thương ghét: Chỗ ấy nên đến, chỗ ấy không nên đến. Bát-nhã không có phân biệt cũng như vậy: Thí Ba-la-mật theo ta đến, còn Giới Ba-la-mật chớ đến. Nói rộng như trong kinh. Trong Kinh này, Phật tự nói nhân duyên: Hết thấy pháp tính Không có năng tác, sở tác.

Tu-bồ-đề nghe xong bạch Phật rằng: Nếu hết thấy pháp tính Không, không có gì của chính nó, làm sao Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật đáp: Bồ-tát tu Bát-nhã nghĩ rằng: Các pháp tuy rất ráo không, nhưng vì chúng sinh điên đảo đắm trước sâu xa, không hiểu được, nếu Ta không dùng phương tiện thì không thể độ chúng sinh được. Phương tiện là thân kim sắc, Ba mươi hai tướng, Tám mươi vẻ đẹp tùy hình, vô lượng hào quang, thần thông biến hóa, có thể dùng một ngón tay làm chuyển động mười phương ba ngàn đại thiên quốc độ, dùng Phạm âm thuyết pháp, có sắc thân xem không nhằm chán, có mười trí lực, bốn điều không sợ, mười tám pháp không chung, giải thoát vô ngại, trí Nhất thiết chủng, đại từ đại bi... Đây đủ vô lượng Phật pháp như vậy, vậy sau có thể giáo hóa chúng sinh, chúng chắc chắn tin thọ. Được lực như vậy, giả sử nói dối người còn tin theo, hưởng gì nói thật? Như kinh nói: Ta tuy biết thật tướng các pháp Ta có thể vào Niết-bàn, nhưng vì chúng sinh nên Ta tu Thí Ba-la-mật... như trong kinh nói rộng, cho đến không thể đem việc gì khác độ sinh.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các Ba-la-mật rất ráo không, không có sai khác, cố sao Bát-nhã lại tối tôn đối với các Ba-la-mật? Phật hứa khả lời Tu-bồ-đề: Trong rất ráo không, các Ba-la-mật thật không có sai biệt; nếu không có Bát-nhã thì ai biết được các Ba-la-mật rất ráo không, không có phân biệt? Nếu không có Bát-nhã thì năm pháp kia làm sao được gọi là Ba-la-mật? Năm Ba-la-mật khi chưa vào Bát-nhã thì có sai khác, khi đã vào Bát-nhã thì không có sai khác. Như các vật có màu sắc khác nhau, nhưng khi đến núi Tu-di thì cùng biến thành một màu; không được nói màu của các vật đều đồng, cố sao chỉ gọi riêng núi Tu-di là lớn. Thí Ba-la-mật... cũng như vậy, tuy không có sai khác, nhưng đều vì sức Bát-nhã nên không được nói, cố sao

chỉ xưng Bát-nhã là lớn? Tu-bồ-đề tuy mong được Phật giải thích mà còn chưa hiểu rõ, lại đem việc khác để hỏi Phật: Nếu ở trong thật nghĩa không có sai khác, thì làm sao Bát-nhã lại tối thượng đối với năm Ba-la-mật? Trước kia nói chưa được Thánh đạo không, nay nói được Thánh đạo không, thế nên nói là đệ nhất thật nghĩa. Thánh đạo đệ nhất thật nghĩa là rất đáng tin, trong ấy cũng không có sai khác. Phật hứa khả nói rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Ta phân biệt nói sáu Ba-la-mật đều là vì thế tục mà nói. Vì sao? Đối người đời không thể chỉ vì họ nói thật tướng các pháp. Họ nghe rồi mê muội nên sinh nghi hối. Do thế, lấy đệ nhất nghĩa làm tâm và dùng ngôn ngữ thế tục để nói; vì vậy phân biệt các Ba-la-mật giáo hóa chúng sinh. Chúng sinh thật không có pháp, đều là không, không sinh, không diệt, không thoái không khởi; sắc cũng như vậy. Thế nên Bát-nhã Ba-la-mật tuy không mà có thể chỉ bày những việc như vậy; thí như ngọc nữ báu là đệ nhất tối thượng, tối diệu giữa chúng nữ nhân.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Phật có ý gì mà thường nói Bát-nhã tối thượng, khi nghe Tu-bồ-đề mỗi mỗi nói Bát-nhã và năm Ba-la-mật không có sai khác, Phật cũng hứa khả rồi lại nói Bát-nhã là tối thượng?

Phật dạy: Bát-nhã thủ hộ hết thảy thiện pháp đưa đến trú trong Nhất thiết trí. Hết thảy pháp tuy không nhưng nếu không có Bát-nhã thì hết thảy thiện pháp đều không thể đạt đến Nhất thiết trí. Thiện pháp là năm Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đại từ đại bi, các pháp của Bồ-tát...

Hỏi: Nếu tu các pháp lành cũng có thể đến Nhất thiết trí, cơ gì chỉ nói nhờ Bát-nhã mới được đến?

Đáp: Tuy các thiện pháp hòa hợp lại có thể phá phiền não, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng Bát-nhã ở trong ấy có công sức lớn; thí như đại quân đánh địch mà chủ tướng được công danh. Lại có người nói: Các thiện pháp không có được Bát-nhã thì không đến được Nhất thiết trí. Bát-nhã không có được các thiện pháp thì chỉ có thể đến Nhất thiết trí. Như Kinh nói: Ở nước Phật Sư tử Lôì âm có cây báu trang nghiêm, thường tuôn ra vô lượng pháp âm nói về hết thảy pháp rốt ráo không, không sinh không diệt; nhân dân nước ấy sinh ra liền nghe pháp âm ấy, nên không khởi tâm ác, được vô sinh pháp nhẫn. Người như vậy thì đâu có các công đức bố thí, trì giới...! Cũng có người cuồng, người say theo Phật nghe Tứ đế tức thời được đạo. Những người không có trí tuệ tu các pháp khác như vậy cũng đắc đạo, không có lẽ ấy.

Tu-bồ-đề hỏi Phật: Bát-nhã rốt ráo không, không lấy pháp thánh, không bỏ pháp phàm phu, cơ sao Phật nói Bát-nhã ấy có thể đưa đến trú

trong Nhất thiết trí?

Phật hứa khả lời ấy và nói: Đúng vậy, đúng vậy! Bát-nhã ấy không lấy, không bỏ; tuy nói lấy Nhất thiết trí, nhưng vì không chấp thủ pháp nên lấy; nghĩa trú cũng như vậy. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Hết thấy pháp không có tướng chấp thủ. Hết thấy pháp là sắc cho đến Bồ đề; pháp ấy hư dối, từ nhân duyên sinh, không có tự tính cho nên không lấy; không lấy nên không bỏ, do không có ức niệm thủ tướng.

Tu-bồ-đề thưa: Nếu không ức niệm sắc, làm sao tăng trưởng căn lành? Căn lành không tăng trưởng, làm sao được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật đáp: Nếu Bồ-tát diệt được ức niệm đối với hết thấy pháp, tức là không, vô tướng, vô tác giải thoát; giải thoát tức là thật tướng các pháp. Tuy có căn lành mà vì tâm chấp thủ tướng điên đảo nên không tăng trưởng; thí như gieo lúa, lúa mạ tuy tốt, song vì cỏ rác nhiều nên không thể tăng trưởng. Trong đây nói nhân duyên: Vì chúng sinh ức niệm nên sinh vào chỗ thiện, bất thiện trong ba cõi; nếu không có ức niệm thì không đấm trước; không đấm trước thì không sinh. Tu-bồ-đề theo Phật, theo Phật nghe xong, suy nghĩ, trừ lượng pháp ấy rốt ráo không, không có gì của chính nó; nếu hành pháp ấy, cũng có thể không có được gì, không có chỗ trú. Vì sao? Vì nhân quả giống nhau; thế nên hỏi Phật: Bồ-tát nghĩ rằng tu Bát-nhã trú chỗ nào, được cái gì? Phật đáp: Không trú trong hết thấy pháp cho đến trong không trú cũng không trú; không thủ tướng nên không đấm trước; không đấm trước nên không trú. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ-tát không thấy pháp có thể chấp trước, có thể trú; không thấy người chấp trước, người trú. Trong đây vì pháp khó phá nên chỉ nói không chấp trước pháp, không trú pháp, mà không nói người trú, người chấp trước.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát trú nơi chúng sinh không, pháp không ấy nghĩ rằng: “Ta tu được như vậy” là lỗi, là lia. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật là không chấp trước tướng, mà Bồ-tát ấy đem tâm chấp ngã, bên ngoài trước không, bên trong trước ngã, không như thật tu Bát-nhã, nên nói xa lia Bát-nhã. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật là không trước tướng, vì tự tính Không có vậy. Ở trên, vì chấp không nên mất, nay vì phá không nên được Bát-nhã, nhưng lại chấp trước Bát-nhã không có tự tính, nên lỗi; vì lỗi nên không được thọ ký. Nếu nghĩ rằng, trú trong Bát-nhã có thể sinh Thí Ba-la-mật... cũng lại như vậy.

Hỏi: Nhân duyên cả hai đều bị lỗi như trên nói, có thể được; còn đây có gì bị lỗi?



Đáp: Cả hai đều bị lỗi trên vì chấp trước không, chấp trước vô tự tính, lại không thể tu Thí Ba-la-mật... mà sinh tà kiến, nên nghĩ rằng: Nếu pháp hoàn toàn không thì tu hành cái gì? Người ấy vì chẳng chấp trước không, chẳng chấp trước vô tính nên tu hành Thí Ba-la-mật... nghĩ rằng: Có thể không chấp trước không, không chấp trước vô tính mà tu công đức ấy, ấy là chân đạo, cũng là bị lỗi, vì tâm kia còn có chỗ hy vọng. Nếu mất Bát-nhã thì không thể tu Thí Ba-la-mật cho đến tâm đại bi. Vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là pháp chân thật: Bát-nhã Ba-la-mật tương tự pháp ấy, các thiện pháp bố thí... không tương tự, vì còn chấp thủ tướng. Nếu Bồ-tát tự ức tướng phân biệt hết thấy pháp tướng không thể chấp thủ, thì chư Phật biết người ấy đã được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tướng không chấp thủ là rốt ráo không, không thể chấp thủ, vì các tướng diệt, cũng vì khai thị, diễn nói cho người khác nên mất Bát-nhã. Người ấy vì tâm cầu không, nên lỗi; cầu vô tính cũng lỗi: Ta là người phạm phu sinh tử, các phiền não chưa sạch, làm sao đạt được? Chỉ theo lời Phật dạy, tự mình không phân biệt mà định tâm, vì người khác nói, không chấp thủ hết thấy tướng là thật pháp. Mỗi mỗi nhân duyên đem việc ấy khai thị, giáo hóa, ấy cũng là lỗi. Vì sao? Vì chư Phật đối với các pháp không có sở đắc, nghĩa không có gì chấp thủ cũng như vậy. Pháp không thể thủ tướng, cho đến danh từ giả còn không thể nói, huống gì pháp có sở đắc? Các pháp tướng tịch diệt, không có hý luận, hết thấy đường ngôn ngữ dứt bật.

Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Nếu “không” có lỗi thì trong “không không” cũng có lỗi? Trong pháp không chấp thủ cũng có lỗi, nhưng không thể không có đạo? Nên nay hỏi Phật: làm sao tu hành không có lỗi lầm ấy?

Phật đáp: Nếu Bồ-tát biết các pháp rốt ráo không, không có gì của chính nó, không thể chấp thủ, pháp ấy không thể biết được; tu hành như vậy thì không lỗi. Bồ-tát nếu chấp trước rốt ráo không, chấp trước vô tính, chấp trước đạo tu hành thì Phật nói, cả ba đều có lỗi. Bồ-tát nghe xong thì bỏ tâm chấp trước, nay còn chấp trước sở hành của Phật, chưa bỏ: Như sở hành của Phật chắc chắn là chân đạo, ta chỉ theo Phật tu hành, hết thấy pháp không có gì của chính nó, không chấp thủ tướng. Thế nên là lỗi. Nay có thể như pháp sở đắc trong tâm Phật, pháp tướng như vậy Phật cũng không có tâm sở đắc, vì không có sở đắc nên không tham quý Phật, không khinh hèn kẻ khác. Tâm kia bình đẳng đối với hết thấy chúng sinh.

Đây lại hỏi: Bát-nhã thanh tịnh như vậy, không có lỗi lầm, lìa tự tướng, không chấp trước, không lìa tự tướng tức có chấp trước. Nếu lìa tự



tướng, làm sao có thể tu hành?

Phật đáp: Nếu Bồ-tát đối với các pháp, chẳng sinh thì đó gọi là tu Bát-nhã. Bồ-tát ấy không nói sắc hoặc thường hoặc vô thường; không nói sắc ấy là sắc gì, sắc ấy là sắc phá, sắc gì phá người. Sắc cho đến Nhất thiết chủng cũng như vậy. Nếu pháp rốt ráo không, như vậy truy tìm không thể được; ấy là không thể sinh. Vì sao? Vì pháp có tự tính Không thể sinh pháp có tự tính; pháp không có tự tính Không thể sinh pháp không có tự tính. Phá các điên đảo được nghị luận chân thật như vậy là đều do sức Bát-nhã Ba-la-mật; các Ba-la-mật khác đi theo; thí như Chuyển luân Thánh vương đến đâu, bốn binh chủng theo nấy. Do phước của Thánh vương nên bốn binh chủng đều có thể bay; do sức Bát-nhã nên các pháp đều là thật tính, đồng đến Phật đạo.

Lại nữa, thí như khéo điều khiển xe bốn ngựa không đi sai đường. Ngựa tuy có sức kéo xe, nếu không có người điều khiển thì không thể đến được. Bồ thí... tuy có công đức quả báo, nếu không có Bát-nhã điều khiển thì không thể đến Phật đạo. Mỗi mỗi thí dụ như vậy, năm Ba-la-mật vào trong Bát-nhã Ba-la-mật, tuy không có sai biệt nhưng vì việc ấy mà Bát-nhã là tối tôn tối diệu.

Tu-bồ-đề nghe Phật mỗi mỗi nhân duyên nói Bát-nhã tối đại, lại nghe nói không tu hành là tu hành Bát-nhã, thế nên hỏi Phật: Thế nào là Bồ-tát đạo, thế nào chẳng phải Bồ-tát đạo? Phật đáp: Nhị thừa chẳng phải Bồ-tát đạo, tuy có kẻ phạm phu và các phiến não, chẳng phải Bồ-tát đạo, vì thô nên không nói; còn hàng Nhị thừa đồng tu hành Không, đồng cầu Niết-bàn nên nói là chẳng phải Bồ-tát đạo. Việc thô, người ta không nghĩ; việc tế người ta nghĩ. Nhất thiết trí là Bồ-tát đạo, ấy là trong nhân nói quả. Tu-bồ-đề hoan hỷ tán thán Bát-nhã rằng: Bát-nhã Ba-la-mật vì việc lớn nên sinh khởi, như trong Kinh nói rộng, cho đến vì các pháp thường trú.

Tu-bồ-đề gạn hỏi: Nếu Bát-nhã không sinh không diệt, thì làm sao tu bồ thí, trì giới...?

Phật đáp: Vì Bát-nhã không sinh không diệt tức là rốt ráo không; vì rốt ráo không nên không trở ngại tu sáu Ba-la-mật. Bồ-tát nghe mỗi mỗi nhân duyên tán thán Nhất thiết trí nên vì Nhất thiết trí mà tu pháp bồ thí; vì độ chúng sinh nên hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Công đức của sáu Ba-la-mật ấy an lập trong thật tướng các pháp mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy, Bồ-tát đầy đủ sáu Ba-la-mật và các công đức từ bi, không điên đảo, có thiện căn chính hạnh.

Tu-bồ-đề hỏi: Bồ-tát nên làm sao tập hành sáu Ba-la-mật?

Phật đáp: Bồ-tát quán sắc pháp... không hợp không tán. Sắc pháp... do phiền não điên đảo hòa hợp nên hợp, do chính trí quán sát nên tán; Bồ-tát do lợi trí quán sát sâu xa thì không có pháp hợp, còn phiền não điên đảo hư dối nên chẳng phải hợp; như ở trước phá ô nhiễm và người ô nhiễm đã nói rõ. Thế nên Bồ-tát biết các pháp vốn không hợp nên cũng không tán, thì không sinh tâm cao ngạo.

Lại nữa, Bồ-tát không nên nghĩ rằng: Ta do trí tuệ chân thật làm cho sắc pháp... thanh tịnh mà an trú trong đó. Vì sao? Vì sắc pháp... không có chỗ trú; như đất trú nơi nước, nước trú nơi gió, gió trú nơi không, không không có chỗ trú; vì vốn không có chỗ trú nên hết thảy đều không trú. Bồ-tát nên như vậy trú trong pháp không trú mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong kinh này nói thí dụ: Hạt giống là Bát-nhã Ba-la-mật, quả là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hãy nên gieo hạt giống Bát-nhã. Người là hành giả, nước là năm Ba-la-mật; như người khi tưới tắm cây, tuy chưa thấy quả nhưng thì tiết đến thì sẽ được; thì tiết hòa hợp là đầy đủ các pháp. Như trong kinh Tán thán Bát-nhã: Nếu Bồ-tát muốn không làm theo kẻ khác thì nên hiểu được thật tướng các pháp; nếu người có tà kiến đi đến phá hoại, thì giác tỉnh mà không theo họ; nếu muốn nghiêm tịnh cõi Phật, ngồi đạo tràng, Chuyển pháp luân, hãy nên học Bát-nhã.

Tu-bồ-đề hỏi Phật: Như lời Phật dạy: Bồ-tát nên học Bát-nhã?

Phật dạy: Ta dạy khiến học Bát-nhã.

Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Hết thảy pháp tướng bình đẳng, cơ gì chỉ dạy học Bát-nhã?

Phật đáp: Học Bát-nhã ấy, đối với hết thảy pháp được tự tại, nên Ta dạy học Bát-nhã. Bát-nhã là tối đại đối với hết thảy pháp; như Phật là tối tôn giữa hết thảy chúng sinh. Lại như muôn sông, biển cả là lớn. Lại như trong kinh này nói ví dụ người bắn cung. Nếu Bồ-tát có thể thực hành Bát-nhã tự tại, đối với các pháp như vậy thời ma hoặc ma dân không thể hơn được, huống gì người tăng thượng mạn và người tà kiến? Bồ-tát ấy được mười phương chư Phật hộ niệm. Trong kinh đây, Phật nói: Nếu Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật, cũng không thể quán sáu Ba-la-mật rốt ráo không; người như vậy có công phu lớn, nên được chư Phật hộ niệm. Thí như dũng sĩ vào trận phá giặc mà không bị thương, được vua hộ niệm; Bồ-tát cũng như vậy, phá giặc phiền não, đầy đủ sáu Ba-la-mật mà không đắm trước sáu Ba-la-mật thì được Phật hộ niệm; không chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức của Bồ-tát ấy, nên hộ niệm, vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng, hành,

thức là pháp hư dối, không thật; chư Phật, quán thân Bồ-tát ấy đúng như thật tướng nên hộ niệm. Tu-bồ-đề hoan hỷ thưa: Bồ-tát học nhiều, cũng học pháp thế tục, cũng học đạo, cũng học Ba-la-mật, cũng học rốt ráo không, cũng học khởi, cũng học diệt. Phạm phu thì học khởi, không thể học diệt; Thanh-văn học diệt, không thể học khởi; còn Bồ-tát cũng học khởi, cũng học diệt; thế nên nói có nhiều sở học. Pháp khởi diệt ấy như huyễn, như mộng, rốt ráo không, nên thật không có học gì. Phật hứa khả lời ấy, tự nói nhân duyên: Sở học của Bồ-tát đều không có sở đắc.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Phật nói pháp hoặc lược hoặc rộng, Bồ-tát nên học; vì sao lại nói sở học đều không có sở đắc? Ý Tu-bồ-đề là: Như Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp tu, mười hai bộ loại kinh hoặc rộng hoặc lược, là pháp sở học của ba thừa. Trong đây nói Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên học sáu Ba-la-mật hoặc lược hoặc rộng. Học là nên thọ trì, thân cận pháp ấy; đọc tụng, suy nghĩ, quán sát đúng, cho đến vào vô tướng tam-muội, tâm tâm số pháp không hiện hành. Bồ-tát học được như vậy thì biết được tướng rộng, tướng lược của các pháp. Rộng là từ tám vạn bốn ngàn pháp tu cho đến vô lượng thật pháp; lược là cho đến tiểu phẩm kinh, một phẩm trong tiểu phẩm kinh, một đoạn trong một phẩm.

Lại nữa, lược là biết các pháp hết thấy không, vô tướng, vô tác, vô sinh, vô diệt; rộng là các pháp phân biệt mỗi mỗi tướng như trong phẩm Thiệtri thức ở sau sẽ nói.

Tu-bồ-đề hỏi: Làm sao Bồ-tát biết được tướng lược, tướng rộng của hết thấy các pháp?

Phật đáp: Nếu biết được các pháp như, như tướng; nghĩa là không sinh, không diệt, không trụ dị.

Hỏi: Nếu như là tướng một, tướng vô sinh thì làm sao Bồ-tát vì biết như ấy nên biết tướng chung, tướng riêng của các pháp: Tướng chung tức là tướng lược, tướng riêng tức là tướng rộng?

Đáp: Như là thật tướng của pháp thường trú không hoại, không theo các lối quán sát. Bồ-tát được “như” ấy tức là phá các điên đảo vô minh tà kiến; người ấy vì được thật pháp nên biết rõ ràng tướng chung, tướng riêng của hết thấy pháp thế gian. Hàng phạm phu con mắt tuệ có bệnh, vì vô minh điên đảo che lấp nên không thể biết như thật.

Hỏi: Tướng thật pháp là không, vô tướng, vô tác, các trí bất dứt, làm sao nói được tướng như thật? Biết rõ ràng tướng chung, tướng riêng của các pháp?

Đáp: Trước ta đã đáp mà ông đối với “như” còn thủ tướng nên lại

vấn nạn. Nếu ông biết “như” thì không nên vấn nạn. Như ấy rất ráo vô tướng nên không ngăn ngại biết tướng chung, tướng riêng các pháp, vì con mắt trí tuệ rõ ràng.

Lại nữa, thí như người tuổi đã lớn mới biết việc làm của mình khi nhỏ đều là ngu si, đáng cười. Bồ-tát cũng như vậy, từ trong thật tướng các pháp khởi lên rồi trở lại, đối với sáu căn theo quả báo điên đảo, nghĩ đến cái vui tịch diệt giải thoát mới biết những điều ưa đắm của sáu căn thế gian đều là hư dối, đáng bỏ; ấy gọi là tướng chung. Ở trong đó phân biệt bất tịnh có thượng, trung, hạ; phân biệt vô thường, khổ, không, vô ngã cũng như vậy, cho đến tám vạn bốn ngàn sai lầm.

Lại nữa, biết như như, pháp tính, thật tế nên cũng biết tướng chung, tướng riêng của các pháp. Nghĩa sai khác giữa như như, pháp tính, thật tế như trong phẩm đầu đã nói. Ở đây Phật nói chẳng phải biên tế là thật tế. Chẳng phải biên tế là không có tướng có thể chấp thủ, không có pháp nhất định có thể chấp trước, vì được pháp tính nên biết mười tám tính của sắc... đều là pháp tính. Tướng của pháp tính là Phật nói không phân, không chẳng phân. Không phân là không thể chỉ bày cái kia, cái này, không có phân biệt; không có tướng, không có lượng; không chẳng phân là không chấp trước vô tướng ấy; vô lượng là phá tướng lượng, pháp tính vì hai việc ngăn ngại nên không thấy: Một là không thấy có tướng có lượng; hai là thấy không tướng không lượng. Có tướng có lượng là thô; không tướng không lượng là tế. Thế nên nói, tướng của pháp tính Không phân, không chẳng phân. Bồ-tát vào ba môn giải thoát, trú trong ba thật pháp là như như, pháp tính, thật tế thì có thể trừ lượng, biết tướng chung, tướng riêng của các pháp. Tu-bồ-đề nghe Phật đáp xong, lại muốn hỏi Phật về các phương diện khác của vô lượng Phật pháp. Phật đáp: Biết hết thấy pháp không hợp không tán thì biết tướng chung, tướng riêng của các pháp.

Hỏi: Mắt thấy hai ngón tay có hợp có tán, vì sao nói không hợp không tán?

Đáp: Trước ta đã nói, cái thấy của mắt thịt với trâu dê thấy không khác nhau, không đáng tin. Lại nữa, ba đốt da bọc thịt gọi là ngón tay; ngón tay không có pháp nhất định. Lại, giả sử có ngón tay cũng không thể hợp hết, chỉ hợp một phần, còn nhiều phần khác không hợp; vì nhiều phần không hợp nên không được nói ngón tay hợp.

Hỏi: Một ít phần hợp nên gọi là hợp?

Đáp: Một ít phần thì không gọi là ngón tay, làm sao nói ngón tay hợp? Nếu nhiều phần không hợp thì không gọi là không hợp, cứ gì vì một

ít mà lại gọi là hợp? Thế nên không được nói hai ngón tay hợp.

Lại nữa, ngón tay với từng phần không khác, không một, tức là không có ngón tay; không có ngón tay nên không hợp. Ở trong môn phá một, khác, thì hoàn toàn không có hợp, như Phật nói trong đây: Hết thủy pháp, tự tính Không có; tự tính Không có nên tức là không có pháp; không có pháp thì làm sao có hợp, có tán? Tu-bồ-đề nghe Phật nói như như, pháp tính, thật tế không hợp không tán; biết tướng lược, tướng rộng, thế nên Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Ấy gọi là tóm thâu Bát-nhã Ba-la-mật. Tóm thâu là con đường an ổn nên các Bồ-tát nên học.